

Bản án số: 302/2024/DS-PT
Ngày: 16 - 5 - 2024
V/v Tranh chấp lối đi chung

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Tám

Các Thẩm phán: Ông Phạm Công Mười

Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đàm Lê Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ba Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 837/2023/TLPT-DS ngày 18 tháng 12 năm 2023 về “*Tranh chấp lối đi chung*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 1393/2023/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1224/2024/QĐPT ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nguyên đơn:

1. Ông **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1952. Địa chỉ: 8 ấp X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

2. Ông **Huỳnh Văn H**, sinh năm 1961. Địa chỉ: C ấp M, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người đại diện theo uỷ quyền của ông T, ông H: Ông **Huỳnh Văn T1**, sinh năm 1964 và bà **Huỳnh Thị C**, sinh năm 1973; cùng là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền số 8985 ngày 07/8/2020 tại VPCC L, Thành phố Hồ Chí Minh). (cùng có mặt)

3. Ông **Huỳnh Văn N**, sinh năm 1958, chết ngày 23/7/2021

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng:

3.1. Vợ, bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1956 (vắng mặt)

3.2. Con, bà **Huỳnh Thị T2**, sinh năm 1977 (vắng mặt)

3.3. Con, ông **Huỳnh Văn T3**, sinh năm 1980 (vắng mặt)

3.4. Con, ông **Huỳnh Văn H1**, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: A ấp X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà S, bà T2, ông T3: Ông **Huỳnh Văn H1**, sinh năm 1976; là người đại diện ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 8997 ngày 04/11/2021 lập tại VPCC L, Thành phố Hồ Chí Minh), (có mặt)

4. Ông **Huỳnh Văn T1**, sinh năm 1964. Địa chỉ: 1 ấp X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt)

5. Bà **Huỳnh Thị C**, sinh năm 1973. Địa chỉ: 8 ấp X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt)

- *Bị đơn*: Bà **Huỳnh Thị N1**, sinh năm 1945. Địa chỉ: 1 ấp X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp: Ông **Trần Văn B**, sinh năm 1977; địa chỉ: 1 ấp X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 119 ngày 09/01/2019 tại VPCC N, Thành phố Hồ Chí Minh). (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Số A L, thị trấn H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Lê Hữu T4**; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 2383/UBND ngày 08/6/2020). (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bà **Lê Thị H2**, sinh năm 1964 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Bà **Huỳnh Thị Mai T5**, sinh năm 1988 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

4. Ông **Huỳnh Thái B1**, sinh năm 1990 (có mặt)

5. Trẻ **Hồ Tấn P**, sinh năm 2013. Người đại diện hợp pháp của trẻ P: Ông **Hồ Văn H3** (cha ruột), bà **Huỳnh Thị Mai T5** (mẹ ruột); là người đại diện theo pháp luật. (vắng mặt)

6. Trẻ **Huỳnh Đăng H4**, sinh năm 2018. Người đại diện hợp pháp của trẻ H4: Ông **Huỳnh Thái B1** (cha ruột), bà **Nguyễn Thị Mộng T6** (mẹ ruột); là người đại diện theo pháp luật. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 1 ấp X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Ông **Nguyễn Bá T7**, sinh năm 1970 (vắng mặt)

8. Bà **Huỳnh Thị S1**, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 1 ấp X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

9/ Bà **Đặng Thị H5**. Địa chỉ: 6.8 L Lô A N, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh, (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người kháng cáo*: Ông **Huỳnh Văn T1**, **Huỳnh Văn H1**, **Huỳnh Thị C**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các nguyên đơn là ông Huỳnh Văn N, ông Huỳnh Văn H, ông Huỳnh Văn T, ông Huỳnh Văn T1, bà Huỳnh Thị C – cùng ủy quyền cho ông T1, bà C trình bày:

Toàn bộ nhà và đất tại các địa chỉ số A, số A, số A và số A ấp X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc là của ông Huỳnh Văn M để lại. Ông M là ông nội của nguyên đơn cũng là cha của bị đơn bà N1. Năm 1977, ông Huỳnh Văn T8 là cha của nguyên đơn có lập tờ cam kết thỏa thuận là chừa lối đi chung bên hông nhà bà N1 để hai gia đình cùng đi, lối đi này có chiều ngang là 3m, chiều dài là 20m. Năm 1997, trong gia tộc có thỏa thuận là ông Huỳnh Văn S2 là em của ông T8 và là anh của bà N1 được đi con đường phía trước mà gia tộc đã chừa, còn ông T8 đi bên hông nhà bà N1, có kèm theo Giấy cam kết và sơ đồ có chữ ký của con bà N1 là bà Đặng Thị H5 - đại diện bà N1. Năm 2018, bà N1 xây nhà đã lấn chiếm ra lối đi chung 1,2m x 2,0m gây khó khăn và làm cản trở cho việc đi lại của gia đình các nguyên đơn. Sự việc được khiếu nại lên Ủy ban nhân dân xã X giải quyết thì nguyên đơn được biết là toàn bộ lối đi chung đã được Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 1436/2008/UB-GCN cho bà N1 ngày 08/9/2008. Nguyên đơn cho biết ngoài lối đi đang tranh chấp với bà N1 thì không còn lối đi nào khác nên nguyên đơn yêu cầu bà N1 phải trả lại phần lối đi chung của các căn nhà 13/5, số 13/5A, số A và số A ấp X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh bên hông nhà bà N1 có chiều ngang là 3m, chiều dài là 20m; đồng thời yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 1436/2008/UB-GCN ngày 08/9/2008 mà Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp cho bà N1.

Theo Bản đồ hiện trạng vị trí - áp ranh số hợp đồng 106501/TTĐĐBĐ-CNHM ngày 29/7/2020 của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H, phần lối đi chung bao gồm phần (9) $11,8m^2$ + (11) $40m^2$ + (23) $0,4m^2$ + (12) $2,7m^2$ + (13) $1,8m^2$ + (15) $0,8m^2$ + (14) $0,8m^2$ có diện tích tổng $58,3m^2$. Phần (9) (15) là sân của bị đơn, nguyên đơn đề nghị đập bỏ để làm lối đi.

Về giá trị định giá tài sản của Công ty Thẩm định giá S, đơn giá đất là 31.784.000 đồng/ m^2 , nguyên đơn đồng ý với kết quả thẩm định giá.

Ngày 23/7/2021 ông Huỳnh Văn N chết. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N gồm vợ và các con: bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1956; bà Huỳnh Thị T2, sinh năm 1977; ông Huỳnh Văn T3, sinh năm 1980; ông Huỳnh Văn H1, sinh năm 1976. Với tư cách cá nhân, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà S, bà T2, ông T3 thì ông H1 thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Bị đơn bà Huỳnh Thị N1 có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Văn B trình bày:

Phần đất bà N1 đang sử dụng có nguồn gốc từ ông Huỳnh Văn M (cha của bà N1) cho bà N1 cất nhà ở, đến năm 2018 xây nhà mới có số nhà A ấp X

thuộc thửa đất số 49, tờ bản đồ số 6, đã được cấp Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 1436/2008/UB-GCN cho bà N1 ngày 08/9/2008. Khi xây nhà bà N1 có chừa bên hông nhà một miếng đất trống để gia đình đi, đồng thời có cho các nhà phía sau đi nhờ, phần đất này không phải là lối đi chung của các căn nhà phía sau, do đó bà N1 không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn và không đồng ý cắt đất, chừa lối đi cho nguyên đơn vì còn có nhiều lối đi khác vào đất của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 1436/2008/UB-GCN ngày 08/9/2008 bà N1 không đồng ý hủy vì đã được Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp Giấy chứng nhận đúng theo trình tự pháp luật quy định.

Bà N1 xác định là không có cam kết hay ký thỏa thuận về lối đi đang tranh như nguyên đơn đã trình bày. Khoảng năm 2000, phía nguyên đơn và bị đơn có chừa lối đi phía trước nhà và vòng qua phía đất gia tộc để làm lối đi cho dòng họ. Hiện nay, lối đi này Nhà nước vẫn công nhận là lối đi chung. Từ năm 1992 đến nay, bản đồ địa chính vẫn không thể hiện đường đi và khẳng định đất đó thuộc chủ quyền của bà N1.

Về giá trị định giá tài sản của Công ty Thẩm định giá S, đơn giá đất là 31.784.000 đồng/m², bị đơn không có ý kiến.

Ông B có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan là ông Nguyễn Bá T7, bà Huỳnh Thị S1 trình bày:

Ông T7, bà S1 là người thuê nhà của ông Huỳnh Văn T1 tại địa chỉ 1 ấp A, xã X, huyện H. Ông T7 bà S1 không có liên quan đến việc tranh chấp lối đi chung giữa nguyên đơn và bị đơn, đồng thời yêu cầu được xét xử vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân các cấp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan là Ủy ban nhân dân huyện H có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Ưu T4 trình bày:

Ủy ban nhân dân huyện H xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị N1 là đúng trình tự thủ tục quy định. Đối với việc tranh chấp lối đi chung Ủy ban nhân dân huyện H không có ý kiến. Đề nghị tòa án xét xử theo luật định. Ông T4 có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 1393/2023/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

- Điều 37, Điều 227, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điều 254 Bộ luật dân sự 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc:

- Xác định lối đi chung là phần (9) $11,8m^2$ + (11) $40m^2$ + (23) $0,4m^2$ + (12) $2,7m^2$ + (13) $1,8m^2$ + (15) $0,8m^2$ + (14) $0,8m^2$ có diện tích tổng $58,3m^2$ theo Bản đồ hiện trạng vị trí - áp ranh số hợp đồng 106501/TTĐDBĐ-CNHN ngày 29/7/2020 của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H.

- Yêu cầu đập bỏ phần (9) (15) theo Bản đồ hiện trạng vị trí - áp ranh số hợp đồng 106501/TTĐDBĐ-CNHN ngày 29/7/2020 của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H - là sân của bị đơn.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 1436/2008/UB-GCN ngày 08/9/2008 mà Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp cho bà Huỳnh Thị N1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về đình chỉ yêu cầu phản tố; về án phí; việc thi hành án và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 18/8/2023, ông Huỳnh Văn T1, ông Huỳnh Văn H1 và bà Huỳnh Thị C kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Huỳnh Văn T1, ông Huỳnh Văn H1 và bà Huỳnh Thị C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì bản án sơ thẩm có nhiều tình tiết gây bất lợi cho nguyên đơn như: Phần lối đi chung đang tranh chấp đã có từ rất lâu, ông bà, cha mẹ đã sử dụng, bà N1 làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có cả lối đi chung là không phù hợp, hiện lối đi chung vẫn đang sử dụng nhưng bà N1 hay để vật cản trở đường đi, yêu cầu xem xét Ủy ban nhân dân huyện H vắng mặt trong khi khi nguyên đơn có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà N1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phát biểu quan điểm như sau: Sau khi phân tích các chứng cứ và yêu cầu của người khởi kiện, đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của bà H6 và ông N2, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa hôm nay cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các nguyên đơn xác định lối đi chung các bên đang tranh chấp hiện nay các bên nguyên đơn (các hộ 13/5 của ông Huỳnh Văn T1, 13/5A của ông Huỳnh Văn N, 14/4 và 14/6

áp X) và bị đơn đều đang sử dụng đi ra đường T, việc thừa nhận như trên phù hợp với Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 16/6/2023, ngày 15/8/2022 về việc ghi nhận hiện trạng về việc các bên vẫn đang sử dụng lối đi hiện hữu bên hông nhà bà N1 và diện tích đất đang tranh chấp bà Huỳnh Thị N1 được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 8/9/2008.

[2]. Xét kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu bà N1 trả lại lối đi chung và huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà N1 có diện tích lối đi chung đang tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên đơn cung cấp chứng cứ cho tòa “*Tờ cam kết và sơ đồ*” viết tay có nội dung các bên chừa con đường đi vô nhà ông Huỳnh Văn T8 và Huỳnh Văn N với chiều ngang là 3m. Nhận thấy trong tờ giấy viết tay này có ghi tên bà Huỳnh Thị N1 nhưng bà N1 không ký tên xác nhận trên giấy cam kết này. Phía bị đơn bà N1 không thừa nhận có biết và ký cam kết này. Như vậy, ngoài “*Tờ cam kết và sơ đồ*” viết tay, nguyên đơn không có chứng cứ nào khác thể hiện lối đi chung giữa hai bên đang tranh chấp là có sự thỏa thuận con hẻm đất mà phía nguyên đơn đang sử dụng làm lối đi chung đã được các bên thừa nhận. Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hồ sơ gốc số 1436/2008/UB-GCN do UBND huyện H cấp ngày 8/9/2008 cho bà Huỳnh Thị N1 thể hiện toàn bộ diện tích (hẻm đất 1) hiện hữu mà các bên hiện đang sử dụng làm lối đi là hoàn toàn nằm trong diện tích đã được nhà nước thừa nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị N1 nên bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp. Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ để làm căn cứ sửa án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn mà chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là giữ nguyên án sơ thẩm.

[3]. Nguyên đơn còn kháng cáo yêu cầu xem xét việc vắng mặt của đại diện UBND huyện H và bị đơn trong khi phía nguyên đơn yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà N1, Hội đồng xét xử thấy rằng: UBND huyện H và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn có cung cấp đầy đủ giấy tờ liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận cho bà N1, có bản tự khai và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp quy định của pháp luật, có tham dự phiên toà hay không là quyền của đương sự. Phía nguyên đơn thừa nhận khi bà N1 làm thủ tục cấp giấy chứng nhận có ký giáp ranh nhưng do việc đo vẽ không rõ nên các nguyên đơn cho rằng đã có chừa lối đi chung, mặt khác UBND huyện H xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N1 là đúng trình tự, thủ tục nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo về việc huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà N1.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định.

[5]. Các phần khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn T1, ông Huỳnh Văn H1, bà Huỳnh Thị C và giữ nguyên Bản án số 1393/2023/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ các điều 37; điều 227; điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Điều 254 Bộ luật Dân sự 2015. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc:

- Xác định lối đi chung là phần (9) $11,8m^2$ + (11) $40m^2$ + (23) $0,4m^2$ + (12) $2,7m^2$ + (13) $1,8m^2$ + (15) $0,8m^2$ + (14) $0,8m^2$ có diện tích tổng $58,3m^2$ theo Bản đồ hiện trạng vị trí - áp ranh số hợp đồng 106501/TTĐĐBĐ-CNHM ngày 29/7/2020 của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H.

- Yêu cầu đập bỏ phần (9) (15) theo Bản đồ hiện trạng vị trí - áp ranh số hợp đồng 106501/TTĐĐBĐ-CNHM ngày 29/7/2020 của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H - là sân của bị đơn.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 1436/2008/UB-GCN ngày 08/9/2008 mà Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp cho bà Huỳnh Thị N1.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị N1 buộc ông Huỳnh Văn T1 trả lại phần đất có diện tích là 43cm x 63cm ở phía sau nhà bà N1 mà ông T1 lấn chiếm.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng. Nguyên đơn là ông Huỳnh Văn T, ông Huỳnh Văn H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn là ông Huỳnh Văn T1, bà Huỳnh Thị C, ông Huỳnh Văn N (đã chết – có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Nguyễn Thị S, bà Huỳnh Thị T2, ông Huỳnh Văn T3, ông Huỳnh Văn H1) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng. Cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí các nguyên đơn đã nộp là 2.500.000 (Hai triệu năm trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0004365 ngày 06/12/2018 và 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0003569 ngày 05/3/2019 cùng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. H7 lại cho các nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 2.500.000 (Hai triệu năm trăm ngàn) đồng.

Bị đơn là bà Huỳnh Thị N1 không phải chịu án phí. H7 lại cho bà N1 số tiền tạm ứng án phí là 750.000 (Bảy trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu số 0003616 ngày 12/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm. Ông Huỳnh Văn T1, ông Huỳnh Văn H1, bà Huỳnh Thị C, mỗi người phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 900.000 (Chín trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu số AA/2022/0001981; AA/2022/0001982; AA/2022/0001983 ngày 29/8/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Công Mười – Nguyễn Thị Thanh

Cao Văn Tám